

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 17-01-2023  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Ngọc Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Doãn Văn Sáng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã LK, huyện TN, thành phố HP; nơi tạm trú: Thôn ĐG, xã SD, thành phố HL, tỉnh QN; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 4, xã LK, huyện TN, thành phố HP; vắng mặt.

**NỘI D VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 6 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị D (nguyên đơn) khai:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LK, huyện

TN, thành phố HP theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 07 tháng 5 năm 2014. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách và làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả nên từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 chị D đã về nhà mẹ đẻ tại thôn Đồng Giang, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh sinh sống cho đến nay. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Đỗ Thị D khai chị và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2015 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2016, hiện anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị Đỗ Thị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Quỳnh N và đề nghị anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận và giao nhận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Văn T cũng như đã nhiều lần triệu T bị đơn đến Tòa án để làm việc, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và không giao nộp văn bản trình bày quan điểm, ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị D được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2016 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Về nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thôn Thôn 4, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn là chị Đỗ Thị D và bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu T hợp lệ đến phiên tòa nhưng chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu xác minh thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét: Mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả; mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho nhau

phát triển về mọi mặt; phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, do đó mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, cần chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2015 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2016. Ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Quỳnh N và đề nghị anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Tài liệu điều tra xác minh thể hiện anh T và chị D đều có công việc và thu nhập ổn định. Cháu Thịnh có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Việc giao cả hai con chung cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là không đảm bảo được sự phát triển toàn diện của các cháu; hơn nữa con trai cần có sự chăm sóc, giáo dục của bố, con gái thì cần có sự chăm sóc, giáo dục của mẹ. Vì vậy, cần giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh N cho chị Đỗ Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Văn T cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản

5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản D và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2016 cho chị Đỗ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2015 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008213 ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- UBND xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên;  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 07/5/2014);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Ngọc Dũng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Đức Khoa**

**Doãn Văn Sáng**

**Lương Ngọc Dũng**